



Đà Nẵng, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Số: 112 / CV-DEIDCO

V/v: "Công bố BCTC kiểm toán năm 2017"

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên công ty : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng
2. Mã chứng khoán : DAD
3. Địa chỉ trụ sở : 145 Lê Lợi - Phường Hải Châu 1 - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng
4. Điện thoại : 0236 3889950 Fax : 0236 3889957
5. Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Hà Khiêm

6. Nội dung của thông tin công bố :

6.1 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty CPĐT&PT GD Đà Nẵng được lập ngày 16 tháng 03 năm 2018. Bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Nội dung giải trình :

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 : 13.247.878.488 đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2017 : 9.194.849.228 đồng
Số tiền giảm : - 4.053.029.260 đồng

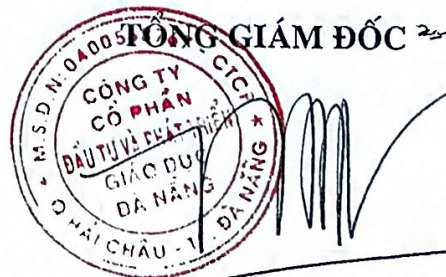
Nguyên nhân giảm là do khoản dự phòng tài chính cổ phiếu công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) là -5.607.000.000đ.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.iseebooks.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



NGUYỄN QUANG DŨNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIAO DỤC ĐÀ NẴNG**

SH 0*MS.C.A.

MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 44

3300
C
C
K
V
D
T
B

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

1. Thông tin chung về Công ty:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/8/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách bổ trợ, sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

Tên tiếng anh: DANANG EDUCATION INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: DEIDCO.

Mã chứng khoán: DAD.

Trụ sở chính: Số 145 Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Nguyễn Quang Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Hồ Văn Lĩnh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Huỳnh Bá Vân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Phạm Thanh Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Phú Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Phạm Tiến Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Đặng Công Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Bà Hồ Đoàn Thiên Kim	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017

3047

HÌNH

IG TY

M T

CH VỤ

HỒ CH

RÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Hồ Văn Lĩnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Trần Phước Chương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 20/5/2017

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

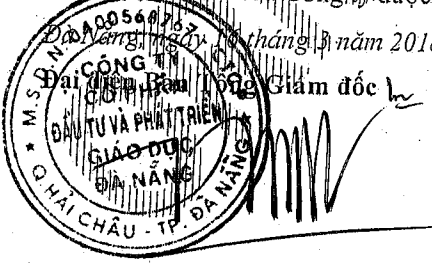
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

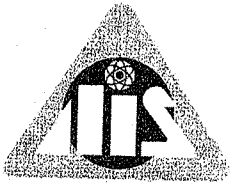
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 1 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng

002/C
TNHH
ĐÀN
QUẬN HỒ
MINH
- TP.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 170637/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý tình hình báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho : 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Can Tho City

Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St. Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscnt@dn.vnn.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC và Báo cáo kiểm toán này đang thể hiện ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kiểm toán viên



Vũ Khắc Chuyên

Số Giấy CNDKHNKT: 0160-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Đào Tiến Đạt

Số Giấy CNDKHNKT: 0078-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



ORIGINAL

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.527.636.784	56.874.364.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.989.732.651	11.459.384.182
1. Tiền	111		1.468.732.651	3.439.384.182
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.521.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	408.545.000	408.545.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		408.545.000	408.545.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.480.479.053	17.440.447.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.983.375.656	14.906.638.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.895.440.098	2.093.928.073
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	531.968.396	1.148.371.742
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.346.532.338)	(1.111.415.836)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	416.227.241	402.925.565
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	25.614.144.832	25.301.416.903
1. Hàng tồn kho	141		28.976.470.070	29.441.035.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.362.325.238)	(4.139.618.106)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.084.735.248	2.264.570.324
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.065.332.581	2.134.917.754
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	68.914.440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	1.019.402.667	60.738.130
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.156.394.937	41.681.728.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		18.478.926.576	19.283.604.464
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	10.664.859.365	11.452.533.253
Nguyên giá	222		16.676.770.394	16.676.770.394
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.011.911.029)	(5.224.237.141)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.814.067.211	7.831.071.211
- Nguyên giá	228		7.884.999.000	7.884.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.931.789)	(53.927.789)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	13.025.798.181	21.677.250.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.227.750.000	16.227.750.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.651.451.819)	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		651.670.180	720.874.096
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	651.670.180	720.874.096
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		94.684.031.721	98.556.092.577

Các thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.619.413.109	28.307.095.809
I. Nợ ngắn hạn	310		16.619.413.109	28.307.095.809
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.321.365.588	9.238.857.741
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.581.833.157	234.723.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	294.478.266	32.535.211
4. Phải trả người lao động	314		1.101.528.784	946.573.099
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.240.398.521	2.978.415.574
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.720.000	24.720.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.420.352.721	8.754.332.835
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	4.746.827.700	5.072.534.965
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(112.091.628)	924.402.953
II. Nợ dài hạn	330		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	78.064.618.612	70.248.996.768
I. Vốn chủ sở hữu	410		78.064.618.612	70.248.996.768
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.811.643.939	5.351.901.478
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.160.335.640	17.804.456.257
<i>LNST chưa phân phối LK đến CK trước</i>	421a		17.804.456.257	15.126.793.467
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		7.355.879.383	2.677.662.790
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		94.684.031.721	98.556.092.577

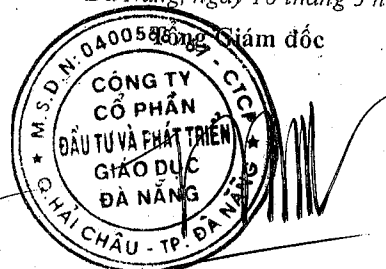
002-C
ÁNH
TNHH
TOÁN
TIN HC
MINH
Đ. TP

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Hà Khiêm

Lê Ngọc

Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

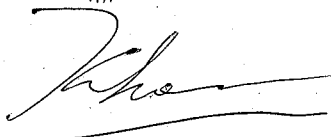
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	138.982.936.185	128.916.454.338
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.496.384.712	2.903.138.912
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	133.486.551.473	126.013.315.426
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	89.364.583.811	83.886.067.617
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.121.967.662	42.127.247.809
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.077.075.927	619.573.661
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	6.791.081.141	1.447.734.867
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		516.795.052	570.834.464
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	13.556.895.904	12.023.472.818
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	12.888.792.626	12.294.570.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.962.273.918	16.981.042.865
11. Thu nhập khác	31	VI.8	12.723.751	1.981.961
12. Chi phí khác	32	VI.9	263.661.484	10.414.220
13. Lợi nhuận khác	40		(250.937.733)	(8.432.259)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.711.336.185	16.972.610.606
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	2.516.486.957	3.724.732.118
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.194.849.228	13.247.878.488
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.677,46	2.416,87
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.677,46	2.416,87

Người lập biểu

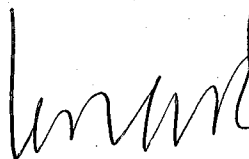
Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2018

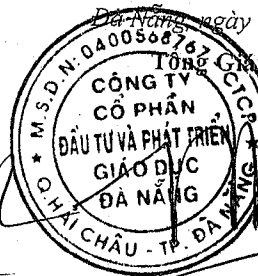
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hà Khiêm



Lê Ngọc



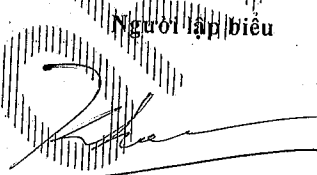
Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)

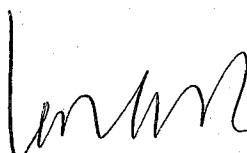
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng


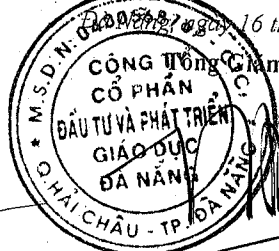
TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Thu tiền từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	113.429.499.965	120.949.035.792
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(87.432.831.848)	(81.043.143.932)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.247.434.623)	(6.914.538.111)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(513.630.500)	(578.501.513)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(9.475.151.494)	(4.084.769.415)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.090.698.282	4.568.835.899
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.582.195.027)	(7.251.903.980)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	268.954.755	25.645.014.740
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.839.800.000)	(295.985.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.800.000.000	(14.877.750.000)
3.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.000.000.000	0
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	626.900.979	628.406.995
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.587.100.979	(14.545.328.005)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	47.704.133.891	49.694.435.980
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(48.029.841.156)	(51.566.402.389)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(7.920.640.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(325.707.265)	(9.792.606.409)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.530.348.469	1.307.080.326
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.459.384.182	10.152.303.856
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.989.732.651	11.459.384.182

Người lập biểu


Nguyễn Hà Khiêm

Kế toán trưởng


Lê Ngọc

Ngày 16 tháng 3 năm 2018
 Giám đốc



Nguyễn Quang Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách bổ trợ, sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn. Chi tiết: Tổ chức, liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;

- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: Tin học, ngoại ngữ;

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;

- Kinh doanh vận tải hàng;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 43 nhân viên (Ngày 01/01/2017: 45 nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3041
H N H
G T Y
M T
H V U
H O C H
R U N G

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại các ngân hàng đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn thu hồi còn lại dưới 03 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

102-G
NH
TNHT
ĐAN
MINH
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo giá bia của từng loại sách thành phẩm phát sinh.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

6.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

6.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phải duy trì được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 năm
Tài sản cố định vô hình khác: Website	05 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ....

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng (ngoại trừ chi phí thuê đất).

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

05/13
CHI
ÔNG
TIÊN
DỊCH
TP.HC
TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 " Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; phí tổ chức bán thảo, phí bản quyền; chi phí hoa hồng môi giới.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền mà khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào Điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

47-0
NHÀ
TY T
1 T
VUT
CH
NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14. Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành của sản phẩm sản xuất đã bán trong năm.

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư; chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển, nhiên liệu, khấu hao phương tiện vận tải...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê mướn bãi; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Năm 2017, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các khoản thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực kinh doanh.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng các mức 10%, 5% và không chịu thuế cho từng loại mặt hàng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	77.855.000	136.978.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.390.877.651	3.322.406.182
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	12.485.801	813.752.733
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương VN- Chi nhánh Đà Nẵng	18.111.933	3.203.094
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	427.290.127	2.010.658.904
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	20.004.986	0
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Đà Nẵng	687.664.108	373.928.107
Ngân hàng Liên danh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng	12.765.812	13.476.821
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	212.554.884	107.386.523
Các khoản tương đương tiền	13.521.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng	10.021.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng Liên danh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng	10.021.000.000	0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	0	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng	3.500.000.000	0
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng(*)	3.500.000.000	0
Cộng	14.989.732.651	11.459.384.182

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng từ ngày 02/8/2017 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng, lãi suất 6,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954 Fax: 0236 3 889 957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tệp đính kèm)

(Các thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Chứng khoán kinh doanh

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
a1. Tổng giá trị cổ phiếu	408.545.000	465.000.000	408.545.000	574.500.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh (STC)	408.545.000	465.000.000	408.545.000	574.500.000
Cộng	408.545.000	465.000.000	408.545.000	574.500.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá gốc
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	20,00%	5.449.500.000	20,00%	5.449.500.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB)	25,92%	2.919.500.000	25,92%	2.919.500.000
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	8,76%	13.227.750.000	8,76%	16.227.750.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (SMIN)	2,27%	350.000.000	2,27%	350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	8,59%	1.020.000.000	8,59%	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (**)	2,76%	3.000.000.000	2,76%	8.877.750.000
Cộng		18.677.250.000		21.677.250.000

(*) Công ty đang xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại các Công ty bao gồm Công ty niêm yết và chưa niêm yết dựa vào Báo cáo tài chính của các Công ty này cho năm tài chính 2017.

(**) Giám vốn góp theo Thông báo số 03/TB-VEPIC ngày 18/4/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 252/ĐEICO ngày 04/5/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam.

35130
CHÍNH
ÔNG
IÊN
DỊCH
TP.HỒ
TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết:

+ Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 17/01/2005, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 18/5/2015, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng là 11.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã đầu tư 2.530.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng, tương đương 220.000 cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.530.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng về công nợ phải thu, Công ty gồm công in, cổ tức, bán lịch...

+ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 02/7/2007, điều chỉnh lần thứ 07 ngày 08/6/2016, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Bình Định (BDB) là 11.264.740.000 đồng. Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã đầu tư 2.919.500.000 đồng vào Công ty Cổ phần Sách & TB Bình Định (BDB), tương đương 291.950 cổ phiếu chiếm 25,92% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.919.500.000 đồng, tương đương 25,92% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định về bán sách cho Công ty.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	13.933.375.656	(1.346.532.338)	14.906.638.064	(1.111.415.836)
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quảng Nam	1.768.088.186	0	0	0
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	1.324.718.818	0	1.523.776.749	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	1.110.509.550	0	741	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị thương học Gia Lai	876.998.487	0	232.109.114	0
Nhà sách Việt Lý	854.664.592	0	881.213.192	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền	850.974.800	0	176.432.810	0
Trần Ngô Gia Bách	719.232.850	0	0	0
Công ty Cổ phần Sách-TBTH Quảng Nam	652.759.599	0	596.466.317	0
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Tổng hợp Thanh Hoá	499.869.888	0	735.067.578	0
Công ty TNHH Sách - Văn hóa thời đại	222.763.589	0	1.951.642.423	0
Công ty TNHH MTV Sách & Thiết bị Giáo dục Phước Lộc	128.032.243	0	1.610.300.805	0

1-00
HẠN
TỶ TR
TO
JU TH
CHỈ M
NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	87.553.922	0	28.058.494	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thừa Thiên Huế	0	0	8.139.998	0
Phải thu các khách hàng khác	4.837.209.132	(1.346.532.338)	7.163.429.843	(1.111.415.836)
Cộng	13.933.375.656	(1.346.532.338)	14.906.638.064	(1.111.415.836)

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	1.324.718.818	0	1.529.776.749	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	850.974.800	0	178.492.810	0
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	251.474.200	0	686.742.200	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	188.731.491	0	178.061.675	0
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	95.233.172	0	155.057.792	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	0	0	72.120.835	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Quảng Trị	0	0	86.341.792	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Cửu Long	0	0	16.120.000	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0	582.800	0
Cộng	2.711.132.481	0	2.895.236.653	0

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	4.895.440.098	0	2.093.928.073	0
Công ty TNHH MTV In Nhân dân Bình Định	1.292.423.755	0	0	0
Công ty Cổ phần Giấy Phùng Vĩnh Hưng	897.368.815	0	0	0
Công ty Cổ phần In và Sản xuất Bao bì Huế	831.835.877	0	0	0
CN Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ In Đà Nẵng - Xí nghiệp In tổng hợp	784.179.568	0	408.477.410	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Mẫu số B 09 - DN

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế	776.589.089	0	356.704.784	0
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	20.237.000	0	0	0
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	0	0	668.438.957	0
Công ty Cổ phần In - Đầu tư Phát triển Giáo Dục Gia Lai	0	0	506.799.845	0
Trả trước cho các người bán khác	292.805.994	0	153.507.077	0
Cộng	4.895.440.098	0	2.093.928.073	0

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	0	0	668.438.957	0
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	93.642	0	0	0
Cộng	93.642	0	668.438.957	0

5. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	531.968.396	0	1.148.371.742	0
Tạm ứng	359.120.320	0	1.089.587.487	0
Hồ Đăng Minh	45.706.511	0	66.913.619	0
Lê Quốc Dũng	15.560.390	0	59.085.156	0
Trần Hoàng Nam	7.500.000	0	69.335.300	0
Các đối tượng tạm ứng khác	290.353.419	0	894.253.412	0
Phải thu ngắn hạn khác	172.848.076	0	58.784.255	0
Cộng	531.968.396	0	1.148.371.742	0

6. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	737.512.021	0	226.430.523	0
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - TB Thành Phát	212.039.775	0	39.170.845	0
Nhà sách Minh Đức	54.597.832	0	54.597.832	0
Siêu thị Quảng Ngãi	30.739.290	0	30.739.290	0
Siêu thị sách Nguyễn Văn Cừ - Quảng Nam	25.582.026	0	25.582.026	0
Các khách hàng khác	414.553.098	0	76.340.530	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Nợ xấu (tiếp theo)

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	237.033.120	71.109.936	520.455.703	156.136.711
<i>Công ty Cổ phần Sách - TBTH Thanh Hoá</i>	151.468.320	45.440.496	347.586.773	104.276.032
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - TB Thành Phát</i>	59.810.400	17.943.120	172.868.930	51.860.679
<i>Công ty CP Phát hành sách Tp. HCM - Trung tâm sách Nguyễn Huệ</i>	23.017.800	6.905.340	0	0
<i>Trung tâm Giáo dục thường xuyên Q, Cẩm Lệ</i>	2.736.600	820.980	0	0
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm	568.308.648	284.154.824	769.366.087	384.683.043
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại HBE</i>	0	0	98.826.960	49.413.480
<i>Công ty CP Sách - TBTH Thanh Hoá</i>	0	0	308.665.285	154.332.643
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	168.898.792	84.449.396	119.055.792	59.527.896
<i>Các khách hàng khác</i>	399.409.856	199.704.928	242.818.050	121.409.024
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	529.809.364	370.866.555	453.277.590	317.294.313
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	55.198.400	24.638.880	1.122.000	785.400
<i>Công ty CP Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa Đà Nẵng</i>	185.840.000	130.088.000	172.400.000	120.680.000
<i>Trung tâm sách Nguyễn Huệ</i>	0	0	56.556.000	39.589.200
<i>Các khách hàng khác</i>	308.770.964	216.139.675	223.199.590	156.239.713
Cộng	2.072.663.153	726.130.815	1.969.529.903	858.114.067

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
Các loại sách kiểm kê thiếu	416.227.241	402.925.565
Cộng	416.227.241	402.925.565

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.413.077.011	0	1.017.569.887	0
Chi phí SXKD dở dang	11.259.104.309	0	12.288.624.922	0
Thành phẩm	16.304.288.750	(3.362.325.238)	16.134.840.200	(4.139.618.106)
Cộng	28.976.470.070	(3.362.325.238)	29.441.035.009	-4.139.618.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	2.065.332.581	2.134.917.754
Thuế GTGT còn được khấu trừ còn phải phân bổ cho hàng tồn kho	2.065.014.400	1.992.669.999
Chi phí trả trước - công cụ dụng cụ	318.180	19.367.755
Chi phí trả trước khác	0	122.880.000
b. Dài hạn	651.670.180	720.874.096
Chi phí thuê đất KCN Hòa Cầm (*)	651.670.180	720.874.096
Cộng	2.717.002.761	2.855.791.850

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Cầm từ Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/9/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/5/2027. Quyền thuê đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

41-00
NHÂN
TY TN
1 TOA
VỤ TIN
CHỈ MII
NG

ORIGIN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

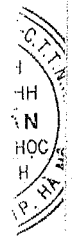
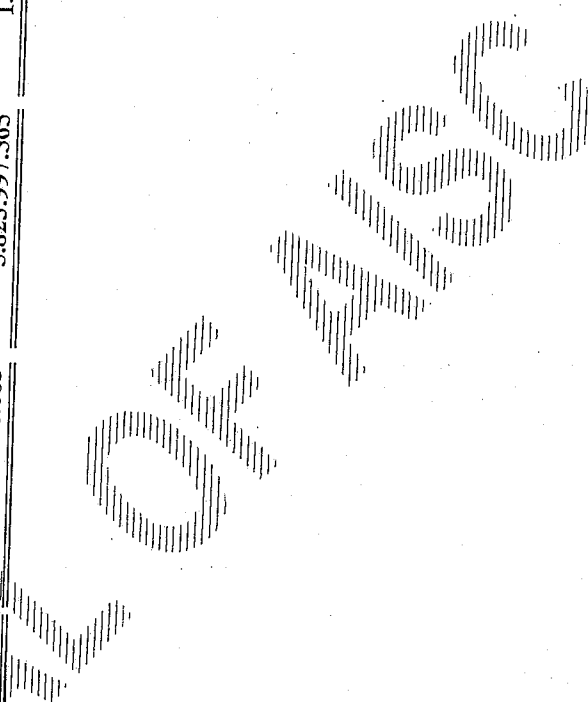
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017		Số đã nộp/ khấu trừ trong năm	Số phải nộp trong năm	01/01/2017	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	36.765.279	0	1.676.167.353	1.712.932.632	0	0
Thuế TNDN	0	1.019.402.667	3.475.151.494	2.516.486.957	0	60.738.130
Thuế TNCN	257.712.987	0	669.678.718	794.856.494	132.535.211	0
Các loại thuế khác	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
Cộng	294.478.266	1.019.402.667	5.823.997.565	5.027.276.083	132.535.211	60.738.130



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	14.823.396.303	1.470.960.000	382.414.091	16.676.770.394
Mua trong năm	0	2.029.800.000	0	2.029.800.000
Thanh lý, nhượng bán	0	(2.029.800.000)	0	(2.029.800.000)
Tại ngày 31/12/2017	14.823.396.303	1.470.960.000	382.414.091	16.676.770.394
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	3.385.952.938	1.468.294.204	389.989.999	5.224.237.141
Khấu hao trong năm	772.584.000	133.819.963	12.424.092	918.828.055
Thanh lý, nhượng bán	0	(131.154.167)	0	(131.154.167)
Tại ngày 31/12/2017	4.158.536.938	1.470.960.000	382.414.091	6.011.911.029
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	11.437.443.365	2.665.796	12.424.092	11.452.533.253
Tại ngày 31/12/2017	10.664.859.365	0	0	10.664.859.365

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.664.859.366 đồng
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.853.374.091 đồng

12. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Tại ngày 31/12/2017	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	0	53.927.789	53.927.789
Khấu hao trong năm	0	17.004.000	17.004.000
Tại ngày 31/12/2017	0	70.931.789	70.931.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	7.799.999.000	31.072.211	7.831.071.211
Tại ngày 31/12/2017	7.799.999.000	14.068.211	7.814.067.211

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.799.999.000 đồng
 Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.
 Nguyên giá TSCĐ vô hình chờ thanh lý: 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.321.365.588	3.321.365.588	9.238.857.741	9.238.857.741
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	808.102.561	808.102.561	668.052.073	668.052.073
Công ty Cổ phần SOFTECH	576.406.500	576.406.500	598.372.000	598.372.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam	407.200.000	407.200.000	0	0
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	389.748.184	389.748.184	2.853.218.050	2.853.218.050
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	378.657.883	378.657.883	449.431.939	449.431.939
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	319.224.024	319.224.024	998.295.700	998.295.700
Công ty Cổ phần Giấy Phùng Vĩnh Hưng	0	0	1.166.716.152	1.166.716.152
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0	566.834.434	566.834.434
Phải trả các đối tượng khác	442.026.436	442.026.436	1.937.937.393	1.937.937.393
Cộng	3.321.365.588	3.321.365.588	9.238.857.741	9.238.857.741
d. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	808.102.561	808.102.561	668.052.073	668.052.073
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	378.657.883	378.657.883	449.431.939	449.431.939
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	319.224.024	319.224.024	998.295.700	998.295.700
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	8.309.574	8.309.574	39.539.249	39.539.249
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	4.906.490	4.906.490	241.598.250	241.598.250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	0	0	811.338.328	811.338.328
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0	566.834.434	566.834.434
Cộng	1.519.200.532	1.519.200.532	3.775.089.973	3.775.089.973

03005
CH
CÓN
KIẾ
VÀ DỊC
TP.I
/ BÀ T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	1.581.833.157	234.723.431
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Quảng Trị	969.565.363	0
Công ty TNHH CROWN WORLDWIDE	316.800.000	153.648.000
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quảng Nam	0	66.736.090
Các đối tượng khác	295.467.794	14.339.341
Cộng	1.581.833.157	234.723.431
c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Quảng Trị	969.565.363	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	396.800	0
Cộng	969.962.163	0

15. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	4.240.398.521	2.978.415.574
Phí tổ chức bản thảo, phí bản quyền	4.237.233.969	2.957.305.776
Trích trước chi phí tư vấn thiết kế	0	18.500.000
Trích trước chi phí lãi vay	3.164.552	0
Chi phí phải trả khác	0	2.609.798
Cộng	4.240.398.521	2.978.415.574

16. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	96.935.771	88.549.631
Kinh phí công đoàn	0	25.706.430
Bảo hiểm xã hội	8.949.758	52.305.961
Phải trả ngắn hạn khác	1.314.467.192	8.587.770.813
Cả lúc, lợi nhuận phải trả	320.000	7.920.960.000
Chi phí môi giới xúc tiến giới thiệu sách	1.314.147.192	663.791.264
Các khoản phải trả khác	0	3.019.549
Cộng	1.420.352.721	8.754.332.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954

Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Đơn vị tính: đồng					
	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	0	(2.907.360.967)	4.689.507.553	23.378.433.467	75.160.580.053
Tăng trong năm	0	0	0	662.393.925	0	662.393.925
Giảm trong năm	0	0	0	0	(18.821.855.698)	(18.821.855.698)
Lãi trong năm	0	0	0	0	13.247.878.488	13.247.878.488
Số dư cuối năm trước,	50.000.000.000	0	(2.907.360.967)	5.351.901.478	17.804.456.257	70.248.996.768
Số dư đầu năm nay	0	0	0	0	9.194.849.228	9.194.849.228
Lãi trong năm	0	0	0	459.742.461	(1.838.969.845)	(1.379.227.384)
Trích lập các quỹ (*)	50.000.000.000	0	(2.907.360.967)	5.811.643.939	25.160.335.640	78.064.618.612
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	0	(2.907.360.967)	5.811.643.939	25.160.335.640	78.064.618.612

(*) Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 276/CV-DEICO 20/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng:

- Trích quỹ Đầu tư, phát triển 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 5% lợi nhuận sau thuế



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	7.920.640.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	340.800	340.800
+ Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
+ Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
* Mệnh giá bộ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	5.811.643.939	5.351.901.478
Cộng	5.811.643.939	5.351.901.478

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu	138.982.936.185	128.916.454.338
Doanh thu bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	101.843.227.868	92.205.205.575
Doanh thu bán sách tham khảo	21.615.323.518	21.400.334.767
Doanh thu khác	15.524.384.799	15.310.913.996
Cộng	138.982.936.185	128.916.454.338

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ sách giáo khoa	3.050.114.987	1.694.407.023
Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	2.185.774.788	1.180.936.135
Hàng bán bị trả lại khác	260.494.937	27.795.754
Cộng	5.496.384.712	2.903.138.912

CHI N
ĐNG
HỆ M
DỊCH
TP.HỒ
TRU

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu thuần bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	98.793.112.881	90.510.798.552
Doanh thu thuần bán sách tham khảo	19.429.548.730	20.219.398.632
Doanh thu thuần khác	15.263.889.862	15.283.118.242
Cộng	133.486.551.473	126.013.315.426

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn sách hỗ trợ sách giáo khoa	62.474.664.748	60.221.394.953
Giá vốn sách tham khảo	13.967.681.334	13.046.818.533
Giá vốn khác	13.699.530.597	13.953.149.841
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(777.292.868)	(3.335.295.710)
Cộng	89.364.583.811	83.886.067.617

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi	447.015.927	33.098.661
Cổ tức và lợi nhuận được chia	630.060.000	586.475.000
Cộng	1.077.075.927	619.573.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lãi vay	516.795.052	570.834.464
Dự phòng, giảm giá các khoản đầu tư	5.651.451.819	-60.542.727
Chiết khấu thanh toán	622.834.270	937.443.130
Cộng	6.791.081.141	1.447.734.867

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí nhân viên	4.230.363.121	3.805.968.989
Chi phí khấu hao TSCĐ	314.869.796	320.430.870
Chi phí Dịch vụ mua ngoài	5.671.321.353	4.163.774.364
Chi phí bằng tiền khác	3.340.341.634	3.733.298.595
Cộng	13.556.895.904	12.023.472.818

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	4.230.363.125	4.155.223.988
Chi phí vật liệu quản lý	0	319.688.707
Chi phí khấu hao TSCĐ	620.962.259	557.755.448
Chi phí dự phòng	1.244.908.155	474.673.165
Chi phí Dịch vụ mua ngoài	2.535.101.064	5.057.335.721
Chi phí bằng tiền khác	4.257.458.023	1.729.893.891
Cộng	12.888.792.626	12.294.570.920

8. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	0	1.963.637
Xử lý sách thừa kiểm kê	12.720.122	0
Xử lý chênh lệch tiền lẻ	3.629	18.324
Cộng	12.723.751	1.981.961

9. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý TSCĐ	262.282.197	0
Chi phí khác	1.379.287	10.414.220
Cộng	263.661.484	10.414.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.866.563.283	34.878.176.234
Chi phí nhân công	39.689.510.316	8.801.416.068
Chi phí khấu hao tài sản cố định	935.832.055	878.186.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.216.326.187	37.883.475.023
Chi phí khác bằng tiền	5.372.195.297	8.517.700.953
Cộng	87.080.427.138	90.958.954.596

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.711.336.185	16.972.610.606
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	871.098.600	1.651.049.982
Các khoản điều chỉnh tăng	1.501.158.600	2.237.524.982
- Chi phí không được trừ	1.501.158.600	2.237.524.982
Các khoản điều chỉnh giảm	630.060.000	586.475.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	630.060.000	586.475.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	12.582.434.785	18.623.660.588
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.516.486.957	3.724.732.118
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.516.486.957	3.724.732.118

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.194.849.228	13.247.878.488
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.194.849.228	13.247.878.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.379.227.384	1.987.181.773
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.677,46	2.416,87

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.194.849.228	13.247.878.488
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.194.849.228	13.247.878.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.379.227.384	1.987.181.773
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.677,46	2.416,87

(*) Năm 2016 lấy số liệu từ phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 276/CV-DEIDCO ngày 20/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và tỷ lệ trích quỹ của kết quả kinh doanh hàng quý. Năm 2017 lấy theo số tạm trích theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được thông qua ở Đại hội đồng cổ đông năm thường niên năm 2017 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017		
Đồng	+100	102.429.050
Đồng	-100	(102.429.050)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016		
Đồng	+100	63.868.492
Đồng	-100	(63.868.492)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

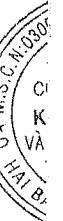
14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bia) và chi phí công in là hai khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán này, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh của Công ty là 465.000.000 đồng Việt Nam (ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 574.500.000 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 46.500.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 46.500.000 đồng Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3 889 954 Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ngày	Không bị quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		Tổng cộng
		tháng đến dưới 1 năm	tháng đến dưới 2 năm	tháng đến dưới 3 năm	năm	
31/12/2017	11.860.712.503	529.809.364	568.308.648	237.033.120	737.512.021	13.933.375.656
01/01/2017	12.937.108.161	453.277.590	769.366.087	520.455.703	226.430.523	14.906.638.064

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điểm liệt kê của từng khách hàng:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Đối với kinh doanh sách hỗ trợ thi địa bản và chính sách bán hàng được thực hiện theo Thông báo số 433/NXBGDVN ngày 30/3/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Đối với kinh doanh sách tham khảo và các mặt hàng khác, việc kinh doanh được thực hiện theo chính sách bán hàng của Công ty theo Quyết định số 232/QĐ-DEIDCO ngày 24/4/2017. Theo đó, mỗi khách hàng mới phải được thẩm định để Công ty có phương thức bán hàng riêng cho từng loại khách hàng. Đồng thời, các khách hàng của Công ty cũng được chia làm 4 loại: kim cương, vàng, bạc, đồng và mỗi loại khách hàng này được hưởng các chính sách bán hàng khác nhau

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu sách hàng chưa thu được. Đối với khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

TRU
CHÍNH
ĐỒNG
TỔNG
GIÁM ĐỐC
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

14.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chi tiết khấu.

Đơn vị tính: đồng

Tại ngày 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	4.746.827.700	0	0	4.746.827.700
Phải trả người bán	3.321.365.588	0	0	3.321.365.588
Chi phí phải trả	4.240.398.521	0	0	4.240.398.521
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.314.467.192	0	0	1.314.467.192
Tại ngày 01/01/2017	13.623.059.001	0	0	13.623.059.001
Các khoản vay và nợ	5.072.534.965	0	0	5.072.534.965
Phải trả người bán	9.238.857.741	0	0	9.238.857.741
Chi phí phải trả	2.978.415.574	0	0	2.978.415.574
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.587.770.813	0	0	8.587.770.813
Cộng	25.877.579.093	0	0	25.877.579.093

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng. Đối với các khoản vay dưới 01 năm.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chứng khoán kinh doanh, phương tiện vận tải, hàng tồn kho, quyền thuê đất dài hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

002
 HÀNH
 Y TNH
 TOẢ
 Ụ TIN
 HÍ MINI
 G - T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238 3855 524 Fax: 0238 3856 007

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

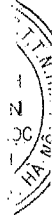
Nội dung	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.989.732.651	0	11.459.384.182	11.459.384.182
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	408.545.000	0	408.545.000	408.545.000
- Phải thu khách hàng	13.933.375.656	(1.346.532.338)	14.906.638.064	13.795.222.228
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.449.500.000	0	5.449.500.000	5.449.500.000
- Đầu tư dài hạn khác	13.227.750.000	(5.651.451.819)	16.227.750.000	16.227.750.000
- Phải thu khác	172.848.076	0	58.784.255	58.784.255
TỔNG CỘNG	48.181.751.383	(6.997.984.157)	48.510.601.501	47.399.185.665
Nợ phải trả tài chính	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
- Vay và nợ	4.746.827.700	0	5.077.534.965	5.072.534.965
- Phải trả người bán	3.321.365.588	0	9.238.857.741	9.238.857.741
- Chi phí phải trả	4.240.398.521	0	2.978.415.574	2.978.415.574
- Phải trả khác	1.314.467.192	0	8.587.770.813	8.587.770.813
TỔNG CỘNG	13.623.059.001	0	25.877.579.093	25.877.579.093

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	47.704.133.891	49.694.435.980
Cộng	47.704.133.891	49.694.435.980

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	48.029.841.156	51.566.402.389
Cộng	48.029.841.156	51.566.402.389

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2017 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

a. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS	1.134.251.270	2.551.100.635
Cộng	1.134.251.270	2.551.100.635

b. Các giao dịch trọng yếu và số dư các bên liên quan trong năm như sau

Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Trụ sở: Số 81 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ- TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tại thời điểm 30/6/2017, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đang nắm giữ 2.075.000 cổ phiếu tương ứng 44,54% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Các bên liên quan khác

Các Công ty trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty con do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nắm quyền chi phối.

Các Công ty liên doanh, liên kết do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
 Điện thoại: 0236 3 8899 954 Fax: 0236 3 889 957

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

STT	Đối tượng giao dịch	Nội dung giao dịch	01/01/2017		Năm 2017		31/12/2017	
			Số dư	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư	Tài khoản	
I	Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vốn góp của Nhà xuất bản	20.750.000.000	0	0	20.750.000.000	TK 411	
		Phải thu khách hàng	0	58.000.000	58.000.000	0	0	
		Chi hệ tiền - tiền	0	58.000.000	58.000.000	0	TK 131N	
		thương của Nhà xuất bản	668.438.957	730.438.957	62.000.000	0	0	
		Phải trả người bán	668.438.957	730.438.957	62.000.000	0	0	
		Tiền nâng cấp bản thảo, chi hộ khen thưởng...	668.438.957	730.438.957	62.000.000	0	TK 331N	
II	Các đơn vị trực thuộc Nhà xuất bản							
	Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Mua sách, vật tư	998.295.700	13.028.366.532	13.707.438.208	319.224.024	TK 331C	
III	Các Công ty con do Nhà xuất bản nắm quyền chi phối							
	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	Bán sách	1.523.776.749	17.672.314.293	17.871.372.224	1.324.718.818	TK 131N	
	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Bán sách	86.341.792	2.969.338.558	4.025.295.713	969.565.363	TK 131C	
	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Bán sách	176.432.810	2.562.589.460	1.888.047.470	850.974.800	TK 131N	
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Bán sách	668.052.073	3.673.159.725	3.882.210.213	808.102.561	TK 331C	



2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Bán sách	449.431.939	2.787.024.188	2.716.250.132	378.657.883	TK 331C
6	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Bán sách	686.742.200	978.642.500	1.413.910.500	251.474.200	TK 131N
7	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	Bán sách	155.057.792	483.537.600	543.362.220	95.233.172	TK 131N
8	Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bán sách	241.598.250	1.320.068.560	1.083.376.800	4.906.490	TK 331C
9	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Bán sách	72.120.835	293.509.806	366.027.441	396.800	TK 131C
10	Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	Bán sách	566.834.434	4.453.621.213	3.886.693.137	93.642	TK 331N
11	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Bán sách	582.800	0	582.800	0	TK 131N
12	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Bán sách	16.120.000	156.281.900	172.401.900	0	TK 131N
13	Công ty Cổ phần Học liệu	Mua vật tư	0	1.104.000.000	1.104.000.000	0	
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bán sách	811.338.228	2.490.867.052	1.679.528.724	0	TK 331C
IV	Các Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng						
1	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	Bán sách	178.061.675	8.588.502.106	8.577.832.290	188.731.491	TK 131N
2	Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Công in Bán lịch Cổ tức Nhân tiền khác	39.539.249 0 0 0	563.422.531 55.275.900 0 105.291.417	457.943.623 55.275.900 242.000.000 0	145.018.157 0 242.000.000 105.291.417	TK 331C TK 331C TK 331N TK 331C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là xuất bản, bán sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và bán các công cụ hỗ trợ giáo dục. Công ty không có chi nhánh nào nên Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	Bán sách tham khảo	Hoạt động khác	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	98.793.112.881	19.429.548.730	15.263.889.862	133.486.551.473
Doanh thu thuần bán hàng bán ra bên ngoài	98.793.112.881	19.429.548.730	15.263.889.862	133.486.551.473
2. Chi phí	81.625.619.557	17.461.116.603	16.723.536.181	115.810.272.341
Giá vốn	62.053.221.714	5.611.831.500	13.699.530.597	89.364.583.811
Chi phí phân bổ	19.572.397.843	3.849.285.103	3.024.005.584	26.445.688.530
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (3 = 1 - 2)	17.167.493.324	1.968.432.127	(1.459.646.319)	17.676.279.132
4. Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	1.502.250.664	295.446.227	232.103.109	2.029.800.000
5. Tài sản bộ phận	70.075.450.528	13.781.673.045	10.826.908.149	94.684.031.721
Tổng tài sản	70.075.450.528	13.781.673.045	10.826.908.149	94.684.031.721
6. Nợ phải trả bộ phận	12.299.992.300	2.419.027.934	1.900.392.875	16.619.413.109
Tổng nợ phải trả	12.299.992.300	2.419.027.934	1.900.392.875	16.619.413.109

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2017 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

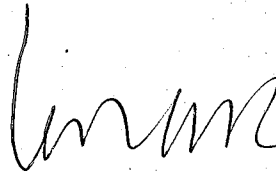
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục

Người lập biểu



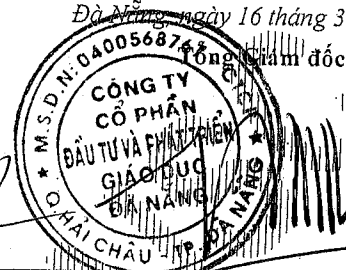
Nguyễn Hà Khiêm

Kế toán trưởng



Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Quang Dũng

ORIGINAL

PH
N
I
C
P
M